

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học Chuyên ngành: Tai Mũi Họng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Khánh Vân
- Ngày tháng năm sinh: 02/09/1969; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán: Xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phòng 304, nhà E5, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Khám bệnh, Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương, 78 đường Giải Phóng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại di động: 0915 09 33 89; E-mail: khanhvantmhtw@gmail.com
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ tháng 9/1986 đến tháng 7/1992: Học Bác sĩ Đa khoa, Trường Đại học Y Hà Nội
 - Từ 1994 đến tháng 09/1998: Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng, Trung tâm Y tế, Bộ Xây dựng.
 - Từ tháng 10/1998 đến tháng 02/2002: Học Thạc sĩ Tai Mũi Họng, Trường Đại học Y Hà Nội.
 - Từ tháng 3/2002 đến tháng 2/2003: Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng, Trung tâm Y tế, Bộ Xây dựng.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 3 năm 2003 đến nay: Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng, Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương.
- Từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2012; Học Tiến sĩ Tai Mũi Họng, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Từ tháng 5/2017 đến nay: Trưởng khoa Khám bệnh, Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương.
Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa Khám Bệnh
Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương
Địa chỉ cơ quan: 78 đường Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại cơ quan: 024 3868 6050
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam; Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc Gia Hà Nội, Đại học Y Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam; Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc Gia Hà Nội, Đại học Y Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 09 năm 1992; số văn bằng: A12426 ; ngành: Bác sỹ, chuyên ngành: Đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Hà Nội.
- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 02 năm 2002; số văn bằng: 21.907; ngành: Y học; chuyên ngành: Tai mũi họng; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Y Hà Nội.
- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 03 năm 2013; số văn bằng: 001945; ngành: Tai mũi họng; chuyên ngành: Mũi họng; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Y Hà Nội.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Bệnh lý mũi xoang có và không có polyp mũi.
- Ứng dụng laze diode điều trị u nang vòm mũi họng và u nang hạ họng.
- Một số vấn đề khác của tai mũi họng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 06 HVCH và 02 BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS và BSNT, là hướng dẫn chính của 06 HVCH và BSNT; hướng dẫn 04 sinh viên tốt nghiệp khóa luận.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố 44 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, là tác giả chính của 03 bài báo khoa học quốc tế uy tín.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng sách đã xuất bản: 01 cuốn sách chuyên khảo, thuộc nhà xuất bản y học có uy tín.

15. Khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số quyết định, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định
2012	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	1199/QĐ-BYT ngày 11/4/2013. Bộ trưởng Bộ Y tế
2013	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	97/QĐ-BYT ngày 21/3/2014. Bộ trưởng Bộ Y tế
2016	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	2365/QĐ-TTg ngày 08/12/2016. Thủ tướng Chính phủ
2018	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	1156/QĐ-BYT ngày 29/3/2019. Bộ trưởng Bộ Y tế
2020	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế	1237/QĐ-BYT ngày 19/2/2021. Bộ trưởng Bộ Y tế

- Giải nhất Hội nghị khoa học nghiên cứu sinh lần thứ XV năm 2019, trường Đại học Y Hà Nội; quyết định số 2677/YHN- QĐ, ngày 18/11/2009.

16. Kỷ luật: không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về tư tưởng, đạo đức, tác phong: luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, giữ gìn lối sống khiêm tốn và giản dị. Có lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Xây dựng và giữ gìn mối đoàn kết thống nhất nội bộ, quan hệ đúng mực với đồng nghiệp và sinh viên, học viên.

Trong quá trình công tác và giảng dạy, tôi luôn giữ gìn đạo đức, tác phong và phẩm chất của người thầy giáo. Tích cực với nhiệm vụ giảng dạy, đảm bảo chất lượng dạy học, chấp hành nghiêm túc các quy chế của quá trình đào tạo.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Luôn luôn quan tâm giúp đỡ đồng nghiệp, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thầy thuốc trẻ. Có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, đã ứng dụng thành công kỹ thuật mới vào điều trị, từ đó đã đem lại hiệu quả cao trong chẩn đoán và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Bản thân luôn tích cực tham gia nghiên cứu và báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành, nghiên cứu đề tài khoa học thuộc các cấp khác nhau.

Luôn nêu cao tinh thần cầu thị, tự học hỏi kiến thức chuyên ngành để làm cho bài giảng phong phú, cập nhật, sát thực tế để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo học viên đại học và sau đại học.

Tôi tự đánh giá mình trong những năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ về đào tạo, điều trị và nghiên cứu khoa học, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của người giảng viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1.	2014 - 2015				01 khóa luận			
2.	2015 - 2016							
3.	2016 - 2017			01 Thạc sĩ				
4.	2017 - 2018			05 Thạc sĩ				
5.	2018 - 2019					86	114	86/48,3/135 114/114/140
6.	2019 - 2020			02 nội trú	03 khóa luận	209		131/113/135 78/78/140
7.	2020 - 2021					178,3		139,3/157,4/135 39/39/140
8.	2021 - 2022					1,7	163,5	165,2/193,5/135
9.	2022 - 2023					16	155,5	171,5/185,86/135
10.	2023 - 2024					219		219/142,4/135

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 châu Âu

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Hòa		HVCH		X	2015-2016	Đại học Y Hà Nội	Cấp bằng 25/01/2017
2	Trương Xuân Bang		HVCH		X	2016-2017	Đại học Y Hà Nội	Cấp bằng 11/01/2018
3	Trần Quốc Khánh		HVCH	X		2016-2017	Đại học Y Hà Nội	Cấp bằng 11/01/2018
4	Vũ Thộ Điềm		HVCH	X		2016-2017	Đại học Thăng Long	Cấp bằng 11/12/2017
5	Bùi Đức Hiền		HVCH	X		2016-2017	Đại học Thăng Long	Cấp bằng 11/12/2017
6	Nguyễn Phương Hoa		HVCH	X		2016-2017	Đại học Thăng Long	Cấp bằng 11/12/2017
7	Lê Thị Hương		BSNT	X		2019 - 2020	Đại học Y Hà Nội	Cấp bằng 21/01/2021
8	Phạm Thùy Linh		BSNT	X		2019 - 2020	Đại học Y Hà Nội	Cấp bằng 21/01/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận TS							
1	Polyp mũi và điều trị polyp mũi tái phát do viêm mũi xoang	CK	Nhà xuất bản Y học 2021	01	Chủ biên	Toàn bộ từ trang 1 đến trang 204	Giấy xác nhận số 3973/GXN - HVYDCT

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đánh giá vai trò của vi khuẩn hiếu khí trong viêm mũi xoang ở trẻ em và kết quả điều trị	CN	Cấp cơ sở Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	2015 - 2016	03/10/2016 Khá
2	Đặc điểm lâm sàng và vi khuẩn ái khí trong viêm mũi xoang cấp ở trẻ em tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	CN	Cấp cơ sở Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	2018 - 2019	19/06/2019 Xuất sắc
3	Đặc điểm lâm sàng và vai trò của vi khuẩn hiếu khí trong viêm mũi xoang mạn tính ở trẻ em tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	CN	Cấp cơ sở Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	2019-2020	16/12/2020 Khá
4	Nghiên cứu đặc điểm của hiếu khí và tình trạng kháng kháng sinh trong viêm mũi xoang cấp mãn có viêm tại giữa cấp ở trẻ em ≤5 tuổi	CN	Cấp cơ sở Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	2022	28/11/2022 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học /ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Hình thái lâm sàng của ung thư vòm họng qua nội soi	1	X	Y học thực hành ISSN: 1859-1663			604 + 605, 4, 82-84	2008
2	Các thông số động mắt thị - vận ngang	1	X	Y học thực hành ISSN: 1859-1663			612 + 613, 7, 10-11	2008
3	Đặc điểm viêm mũi xoang polyp tái phát qua 20 trường hợp	3	X	Y học thực hành ISSN: 1859-1663			760, 4, 10-13	2011
4	Kết quả điều trị viêm mũi xoang polyp tái phát	3	X	Y học thực hành ISSN: 1859-1663			764, 5, 13-15	2011

II	Sau khi được công nhận TS							
5	Nghiên cứu các nguyên nhân dẫn đến polyp tái phát sau phẫu thuật	2	X	Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam ISSN: 1859-3704			2(57-8), 59-69	2012
6	Đánh giá kết quả điều trị viêm mũi xoang và polyp mũi	1	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			420, 42-46	2014
7	Đặc điểm lâm sàng của polyp mũi tái phát do viêm mũi xoang	1	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			437, 73-77	2015
8	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của viêm mũi xoang ở trẻ em tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	1	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			461, 202-206	2017
9	Nghiên cứu tình trạng lo âu và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân ung thư điều trị tại khoa Bướu Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	4		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			460, 65-69	2017
10	Nhu cầu khám chữa bệnh và một số yếu tố liên quan tại khoa Khám bệnh theo yêu cầu - Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương năm 2017	2		Tạp chí y học Thực hành ISSN: 1859-1663			1063, 44-48	2017
11	Nghiên cứu vi khuẩn hiếu khí trong viêm mũi xoang ở trẻ em tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	2	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			465, 158-162	2018
12	Kết quả chỉnh hình cửa tai ngoài kiểu chữ thập “+” trong phẫu thuật tiết căn xương chũm	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			473, 176-178	2018
13	Sự hài lòng và một số yếu tố liên quan của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương năm 2017	2		Tạp chí y học dự phòng ISSN: 0868-2836			29, 1, 171-176	2019
14	Đặc điểm lâm sàng và định danh vi khuẩn trong viêm mũi xoang cấp ở trẻ em tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	2	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			479, 1, 61-65	2019
15	Đặc điểm lâm sàng, vi khuẩn trong học viêm mũi xoang ở trẻ em tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	1	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			479, 1, 95-98	2019
16	Kết quả điều trị viêm mũi xoang nhiễm khuẩn ở trẻ em tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	1	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			479, 1, 165-168	2019
17	Ứng dụng laser diode điều trị u nang hô lưỡi thanh thiệt tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	1	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			479, 2, 107-110	2019
18	Đánh giá kết quả cấy điện cực ốc tai ở trẻ em < 6 tuổi tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			479, 2, 127-131	2019

19	Điều trị u nang vòm mũi họng bằng laser diode tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	1	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			479, 2, 165-168	2019
20	Bước đầu đánh giá khả năng nghe – hiểu sau cấy điện cực ốc tai ở trẻ em ≤ 3 tuổi	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			485, 1+2, 160-163	2019
21	Kết quả ban đầu phẫu thuật nội soi giảm áp hốc mắt điều trị bệnh mắt Basedow	4		Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam ISSN: 1859-3704			(64 – 43), 1, 78-89	2019
22	Khảo sát một số đặc điểm lâm sàng của viêm mũi xoang mạn tính polyp mũi có và không có Eosinophil	3	X	Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam ISSN: 1859-3704			(64 – 43), 1, 90-96	2019
23	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của dị vật thực quản từ tháng 05/2019 đến tháng 03/2020	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			489, 1, 178-181	2020
24	Đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi trong viêm tai giữa cấp giai đoạn vỡ mũ ở trẻ em từ tháng 09/2019 đến tháng 03/2020	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			489, 1, 241-245	2020
25	Đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi trong viêm mũi xoang mạn tính ở trẻ em từ tháng 09/2019 đến tháng 01/2020	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			489, 1, 213-216	2020
26	Đặc điểm hình ảnh nội soi và phim chụp cắt lớp vi tính trong viêm mũi xoang mạn tính ở người lớn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương năm 2019	5		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			489, 1, 269-272	2020
27	Nghiên cứu các hình thái của dị hình vách ngăn qua nội soi trên bệnh nhân có bệnh lý mũi xoang	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			488, 1, 182-187	2020
28	Đặc điểm hạt xơ dây thanh trên lâm sàng và nội soi hoạt nghiệm thanh quản	5		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			491, 1, 77-81	2020
29	Kết quả điều trị dị vật đường thở bằng nội soi ống cứng trực tiếp	4		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			491, 1, 217-220	2020
30	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của viêm mũi xoang cấp của trẻ em dưới 5 tuổi	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			496, 1, 240-244	2020
31	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của viêm mũi xoang mạn tính của trẻ em 5-15 tuổi	3		Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			496, 1, 258-262	2020
32	An Atypical Case Of Tuberculous Otitis Media: The Importance Of Early Definite Diagnostic Surgery	5	X	Nat. Volatiles & Essent. Oils ISSN: 21489637	Scopus, IF 0.74		8(5), 11665- 11674	2021
33	Standard and immunohistochemical staining methods for diagnosis of cervical lymph node metastasis in nasopharyngeal carcinoma	7		Genetics and Molecular Research ISSN: 1676-5680 DOI: https://doi.org/10.4238/gmr18735	Scopus, Q4, IF 0.6		20 (1), 18735 1-10	2021

34	Correlation of EGFR (Her1) expression with clinical features in sinonasal squamous cell carcinoma	7		Genetics and Molecular Research ISSN: 1676-5680 DOI: https://doi.org/10.4238/gmr18749	Scopus, Q4, IF 0.6		20 (1), 18749, 1-9	2021
35	Nghiên cứu tổng quan về hình thái lâm sàng viêm họng do liên cầu nhóm A	2	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			525, 1B, 116-121	2023
36	Nghiên cứu tổng quan về xét nghiệm kháng nguyên nhanh trong chẩn đoán viêm họng do liên cầu nhóm A	2	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			525, 1B, 228-232	2023
37	Nghiên cứu tổng quan về thang điểm Centor và McLaac trong chẩn đoán viêm họng do liên cầu nhóm A	2	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			525, 1B, 297-301	2023
38	Microbiology and antimicrobial resistance in pediatric acute rhinosinusitis with acute otitis media	4	X	Annals of Clinical and Analytical Medicine E-ISSN: 2667-633X DOI: https://doi.org/10.4328/ACAM.21733	IF 0.1		14(7) 660-663	2023
39	Epidemiology and clinical characteristics of pediatric rhinosinusitis in Vietnam	3	X	Journal of Medicinal and Pharmaceutical Chemistry Research, DOI: https://doi.org/10.48309/jmpcr.2024.453119.1191	Scopus, Q3, 4,6		6(9), 1354- 1359	2024
40	Hình ảnh trên phim chụp cắt lớp vi tính của polyp mũi tái phát và viêm mũi xoang	1	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			539, 1B, 215-219	2024
41	Kết quả mô bệnh học của polyp mũi tái phát sau phẫu thuật	1	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			539, 1B, 88-92	2024
42	Bacteriology and antibiotic resistance in pediatric rhinosinusitis in Vietnam	3	X	Journal of Medicinal and Pharmaceutical Chemistry Research, DOI: https://doi.org/10.48309/jmpcr.2024.458390.1252	Scopus, Q3, 4,6		6(12), 1861- 1868	2024
43	Nghiên cứu hình ảnh nội soi tai mũi họng trong bệnh trào ngược dạ dày - thực quản ở người lớn	2	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			539, 1B, 275-278	2024
44	Đặc điểm lâm sàng của bệnh viêm mũi xoang mạn tính ở người lớn tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	2	X	Tạp chí y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			539, 1B, 328-331	2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 03 bài (bài báo số 38, 39, 42)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Khánh Vân